

# TINH THẦN DÂN TỘC TRONG CẢI CÁCH GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX, ĐẦU THẾ KỶ XX

VŨ QUANG HIỂN\*  
TRẦN VIẾT NGHĨA\*\*

Đổi mới nền giáo dục Việt Nam luôn là một vấn đề “nóng” trong hơn một thế kỷ qua. Mặc dù thay đổi qua nhiều mô hình, với những ưu điểm và hạn chế, những thuận lợi và khó khăn nhất định, nhưng *xuyên suốt các cuộc cải cách giáo dục vẫn là tinh thần dân tộc*. Đó cũng chính là nguyên nhân đưa tới thành công của các đợt cải cách giáo dục nói riêng và sự thay đổi mô hình giáo dục nói chung.

## ***1. Phản ứng dân tộc - một trở lực lớn đối với người Pháp trong những cải cách giáo dục của họ ở nước Việt Nam thuộc địa vì mục đích thực dân***

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp cơ bản hoàn thành công cuộc bình định và nhanh chóng triển khai các cuộc khai thác thuộc địa ở Việt Nam.

Họ hiểu rất rõ sức mạnh sừng sỏ nhất thời khuất phục được người Việt Nam, cai trị bằng văn hoá sẽ lâu bền hơn, trong đó giáo dục là một vũ khí lợi hại nhất. Ngay từ khi chiếm được nước Việt Nam, họ đã chú trọng đến vấn đề phát triển giáo dục cho người bản xứ. Tuy nhiên, đó không phải là vấn đề dễ dàng, nên đã nổ ra nhiều tranh cãi quyết liệt kéo dài qua nhiều thập kỷ về chính sách giáo dục của Pháp ở Đông Dương, xoay quanh các vấn đề chủ đạo: - Nên hay không nên phát triển nền giáo dục Pháp ở Đông Dương? - Phát triển ở mức độ nào cho thích hợp? - Nên hay không nên tiêu diệt nền giáo dục Hán học bản xứ?

Người Pháp lo ngại nếu phát triển một nền giáo dục đầy đủ cho người bản xứ thì chẳng khác gì đặt vào tay họ một thứ vũ khí lợi hại để chống lại chính mình, nhưng lại bị giằng xé bởi sứ mệnh “khai hoá văn minh cao cả”, một “sứ mệnh” đã tạo cơ cho họ xâm lược xứ này. Hơn nữa, công cuộc khai thác thuộc địa cũng rất cần những người bản xứ có trình độ kiểu Pháp. Nhưng mối quan ngại hơn cả là sự đe dọa của nền giáo dục Nho học đối với tương lai của nước

\* PGS.TS. Trường Đại học KHXH & NV. Đại học Quốc gia Hà Nội.

\*\* Ths. Trường Đại học KHXH & NV. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Pháp ở Đông Dương, bởi nó đào tạo ra những nho sĩ - những người cố chấp và luôn tỏ thái độ “thù nghịch” với nước Pháp. Những người này rất trung thành với dân tộc và chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hoá Trung Hoa. Chừng nào Nho học còn tồn tại thì chừng đó văn hoá Trung Hoa còn vững bền và tất nhiên văn hoá Pháp chưa thể thắng thế được ở Việt Nam. Để xoá bỏ vấn nạn nho sĩ và gạt bỏ văn hoá Trung Hoa, cách duy nhất là triệt tiêu Nho học.

Mặc cho những nghi ngại và tranh cãi kéo dài, nền giáo dục Pháp ở Đông Dương vẫn không ngừng được mở rộng. Cần phải phát triển nền giáo dục Tây học ở Đông Dương vẫn là tư tưởng chủ đạo. Tuy nhiên, để giải toả cho những nghi ngại có lý nêu trên, người Pháp luôn tìm cách hiệu chỉnh và cải cách nền giáo dục thuộc địa để nó đạt đến độ hoàn hảo khi thỏa mãn được nhu cầu học tập của những người bản xứ và những tham vọng thực dân của họ.

Nam Kỳ, nơi ảnh hưởng của Nho học rất mờ nhạt so với Bắc Kỳ và Trung Kỳ, là vùng đất bị chinh phục sớm nhất, được áp dụng mô hình Tây học đầu tiên, nhưng cũng gặp muôn vàn khó khăn: *“Tình hình bước đầu của những trường học quả là vất vả. Dân chúng mới bị chinh phục và chưa thích nghi với sự quan tâm của các quan cai trị, không hiểu và không thể hiểu nổi tư tưởng rất đối kháng đại của chúng ta. Do đó, lời kêu gọi đối với những người chủ gia đình cho con em đi học đều được coi như là một cách bắt lính, chủ làng đi bắt trẻ con như người ta đi bắt thuế”* <sup>(1)</sup>. Mục tiêu của nền giáo dục mới của Pháp ở Nam Kỳ khá khiêm tốn: *Một là, đào tạo thông ngôn tiếng Việt và tiếng Pháp; Hai là, tổ chức việc học chữ Pháp và chữ Quốc ngữ để thay thế chữ Hán.* Nhưng kết cục thật đáng buồn: chỉ có chưa đầy 1% dân số Nam Kỳ đi học và kết quả của những người học rất tệ hại.

Trước sự ị ạch của nền giáo dục Nam Kỳ, năm 1873, chính quyền Pháp tổ chức *Hội nghị giáo dục toàn Nam Kỳ* để tìm giải pháp cụ thể thúc đẩy nền giáo dục Nam Kỳ tiến lên. Tại hội nghị, hầu hết các đại biểu đều thừa nhận sự thất bại của nền giáo dục kiểu mới của Pháp tại Nam Kỳ. Đa số người Nam Kỳ vẫn ưa thích học chữ Hán và không muốn học chữ Pháp và chữ Quốc ngữ. Sự nóng vội, chủ quan và thiếu hiểu biết về một dân tộc có nền văn minh từ mấy nghìn năm là nguyên nhân chính dẫn tới thất bại. Người Pháp nhận thấy *“Cái sai lầm lớn nhất là đòi thay thế triệt để, toàn bộ nền giáo dục của xứ này bằng việc học chữ La tinh”* <sup>(2)</sup>. Rõ ràng là họ đã tìm ra bản chất của vấn đề. Thất bại đó là do sự tẩy chay nền giáo dục Pháp của người Việt Nam. Người Việt Nam không thể hợp tác với những kẻ cướp nước họ và đang hàng ngày bắn giết họ. Với người Việt Nam, yêu nước là chống đối và bất hợp tác với Pháp. Việc đi học ở trường Pháp khác nào là sự phản bội Tổ quốc. Sẽ là một nghịch lý lớn khi các sĩ phu vừa cho con đến trường Tây học lại vừa căm sùng đánh Tây.

*Đầu thế kỷ XX*, phong trào Đông Du (1906 -1908) diễn ra sôi nổi khiến người Pháp hết sức lo ngại. Người Việt Nam đã có thể vượt trùng dương để đi kiếm tìm những tri thức mới. Nhu cầu nhân lực có trình độ cũng tạo áp lực lên nền giáo dục bản xứ. Một sự thay đổi trong nền giáo dục Đông Dương là rất cần thiết lúc này.

Năm 1906, Toàn quyền Paul Beau chủ trương tiến hành cải cách giáo dục, thành lập *Hội đồng cải cách giáo dục toàn liên bang và Nha học chính Đông*

*Dương*. Chương trình cải cách giáo dục do Paul Beau khởi xướng đã làm thay đổi mạnh mẽ nền giáo dục Việt Nam.

Trường Pháp - Việt được tổ chức lại gồm hai bậc Tiểu học và Trung học. Bậc Tiểu học được chia thành 4 lớp: lớp 4, lớp 3, lớp nhì và lớp nhất. Kết thúc bậc này, học sinh phải thi tốt nghiệp để lấy bằng Tiểu học Pháp - Việt. Bậc Trung học được chia thành Trung học Đệ nhất cấp và Trung học Đệ nhị cấp. Trung học Đệ nhất cấp học trong 4 năm. Trong thời gian đó, học sinh dần định hướng cho ngành học của mình ở Đệ nhị cấp. Thời gian học Đệ nhị cấp là 1 năm, cấp này được chia thành hai ban Văn học và Khoa học.

Pháp còn mở thêm các trường Nữ học dành cho con gái. Trường Nữ học gồm ba loại: - Trường sơ học, nữ sinh học chung với nam sinh; - Trường tiểu học tại các tỉnh lỵ; - Trường cao đẳng mở tại thủ phủ các xứ nhằm đào tạo các nữ giáo viên. Chương trình dạy tại các trường Nữ học chủ yếu là thực hành, tập đọc, tập viết, học tính, luân lý.

Hệ thống trường chuyên dạy nghề được thiết lập. Năm 1906, chính quyền Pháp mở được 12 trường dạy nghề (chủ yếu ở Nam Kỳ) để đào tạo những công nhân kỹ thuật và coi “đó là yếu tố mạnh nhất của sự phát triển kinh tế xã hội trong xứ có thể chiếm trong chương trình chung về giáo dục của người bản xứ một trường vị trí ngày càng quan trọng”<sup>(3)</sup>. Các trường có các xưởng hoặc đa học sinh đi thực tập ở những nhà máy, xí nghiệp.

Ngày 16-5-1906, Paul Beau ký Nghị định thành lập *Đại học Đông Dương* (Université Indochinoise), với kỳ vọng là một cơ quan vừa giảng dạy vừa nghiên cứu khoa học ở Đông Dương, có năng lực cạnh tranh với các trường đại học ở các nước châu Á, nhất là Nhật Bản. *Đại học Đông Dương* gồm 5 trường cao đẳng: 1 – Trường Luật và Pháp chính; 2 – Trường Khoa học - đào tạo; 3 – Trường Y khoa; 4 - Trường Xây dựng; 5 – Trường Văn chương.

Hệ thống giáo dục do Paul Beau thiết kế tỏ rõ sự vượt trội so với nền giáo dục của Pháp trước đó ở Nam Kỳ. Bởi nó đã thiết lập được một hệ thống trường học đa cấp từ bậc tiểu học tới đại học, đào tạo theo hướng đa ngành và đa nghề, và là một nền giáo dục bình đẳng đối với cả nam và nữ.

Rút kinh nghiệm từ thất bại của chính sách đồng hoá gấp rút học đường trước đó, Paul Beau tỏ ra khôn khéo hơn những người tiền nhiệm khi không đột ngột thanh toán nền giáo dục Nho học mà chấp nhận sự tồn tại đồng thời của giáo dục Nho học và giáo dục Tây học. Tuy miễn cưỡng chấp nhận Nho học, nhưng người Pháp cũng có những hiệu chỉnh cho phù hợp với tính thực dụng của nền giáo dục Pháp. Những môn như luật pháp, đơn từ và phong tục được giảng dạy nhiều hơn để đào tạo những viên quan cai trị bản xứ ở cấp phủ và huyện. Nội dung thi thơ, phú và văn sách của các kỳ thi Hương, thi Hội không thay đổi, nhưng lại có những phần thi bổ sung như chữ Quốc ngữ, chữ Pháp, và luận giải những vấn đề kinh tế và xã hội.

Chữ viết nào được giảng dạy trong nhà trường Pháp - Việt cũng được xử lý khá tế nhị. Bậc ấu học có 3 loại: trường dạy 1 năm (hoặc dưới 1 năm) đối với những làng xa xôi, hẻo lánh, chỉ dạy chữ Quốc ngữ, không dạy chữ Hán và chữ Pháp; trường dạy 2 năm chỉ dạy chữ Quốc ngữ và chữ Hán; trường 3 năm dạy cả ba thứ chữ Quốc ngữ, Hán và Pháp. Bậc Tiểu học hệ 2 năm được mở ở các phủ, huyện do các Giáo thụ và Huấn đạo phụ trách. Học sinh phải học 3 thứ chữ là chữ Hán, chữ Quốc ngữ và chữ Pháp<sup>(4)</sup>. Trường trung học được mở ở

các tỉnh lỵ và do Đốc học phụ trách. Chữ Hán, Quốc ngữ, Pháp vẫn được dạy ở bậc học này, nhưng chữ Quốc ngữ và chữ Pháp được dạy nhiều hơn chữ Hán (3). Bậc đại học dạy hoàn toàn bằng chữ Pháp, trừ ngành văn học và cổ học.

Để tránh tạo cú sốc nặng trong giáo dục và sự chống đối của giới nho sĩ vốn rất nặng lòng với Nho học, thực dân Pháp không thanh toán đột ngột Nho học, nhưng trên thực tế Nho học đã bị khuôn hẹp lại rất nhiều. Nội dung Nho học giảm dần theo các bậc học từ thấp đến cao, trong khi đó nội dung Tây học lại tăng tiến dần và chiếm vị thế độc tôn ở bậc đại học. Rõ ràng Paul Beau không từ bỏ chính sách đồng hoá học đường, chẳng qua nó được thực hiện một cách mềm mỏng hơn những người tiền nhiệm mà thôi.

Mặc dù rất khéo léo, nhưng mâu thuẫn giữa Nho học và Tây học vẫn cứ tồn tại. Với tinh thần dân tộc, nhiều nhà nho vẫn chủ trương cấm con cháu đến trường Tây học. Một số thì mạnh dạn tiếp nhận Tây học nhưng không phải là để quy phục mà là để đánh Tây. Nguy cơ bị đe dọa từ các nhà nho Việt Nam vẫn hiện hữu. Tuy nhiên, Pháp cũng có thuận lợi là Tây học đã có chỗ đứng nhất định. Số học sinh Việt Nam học trường Tây học ngày càng đông. Vì vậy đã đến lúc thanh toán hoàn toàn nền giáo dục cũ.

Năm 1917, Toàn quyền Đông Dương A.Sarraut quyết định tiến hành cải cách nền giáo dục Đông Dương khi ban hành bộ *Học chính tổng quy*. Theo quy định mới thì nền giáo dục ở Việt Nam gồm hai bộ phận: - Bộ phận đào tạo cho các học sinh người Pháp ở Việt Nam; - Bộ phận đào tạo học sinh người bản xứ.

Trong những năm 1917-1922, hệ thống giáo dục Đông Dương được kiện toàn lại từ bậc tiểu học, trung học, đến cao đẳng và đại học; thống nhất cách thức tổ chức, nội dung và phương pháp giảng dạy cho các cấp học trên phạm vi cả nước. Năm 1919, kỳ thi Hương cuối cùng được tổ chức ở Trung Kỳ. Sự kiện này đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của Nho học ở Việt Nam.

Năm 1923-1924, Toàn quyền Đông Dương Merlin thắt chặt thêm các quy chế thi cử và học tập ở các cấp để hạn chế phát triển giáo dục. Sự thắt chặt Tây học đã làm hồi sinh Nho học ở các làng xã.

Việc A. Sarraut thanh toán triệt để Nho học và hệ thống trường Pháp - Việt vào một thời điểm khá thuận lợi. Đó là lúc tầng lớp nho sĩ đã già và dường như bất lực trước sự thay đổi của thời cuộc. Lớp thanh niên trẻ tuổi nhận rõ lợi ích của trường Tây học bởi tính thực nghiệp của nó. Vì thế sự triệt tiêu Nho học không gây ra những phản ứng chính trị có tính cực đoan, đối kháng nào đáng kể từ phía người Việt Nam. Chính sách đồng hóa học đường dường như đã thắng lợi với người Pháp.

## **2. Phản ứng của trí thức nho học cấp tiến đối với nền giáo dục của Pháp ở Việt Nam**

Vào cuối thế kỷ XIX, khi phải đối diện với văn minh phương Tây, một số nhà nho Việt Nam nhận ra những nhược điểm của Nho học. Chủ trương đổi mới giáo dục của họ đã được thể hiện rất rõ nét trong các bản điều trần đòi canh tân đất nước. Đổi mới giáo dục là một trong những giải pháp để tự cường. Mô hình hướng theo nền giáo dục thực nghiệp kiểu Âu châu đã được họ nhắc tới. Tuy nhiên, những bản điều trần đó đã không được thực thi. Vua Tự Đức cũng có những chấn chỉnh nhất định trong thi cử nhưng vẫn nằm trong phạm vi Nho học.

Đến những năm đầu thế kỷ XX ở Việt Nam đã xuất hiện một lớp nho sĩ cấp tiến. Lớp nho sĩ này chịu ảnh hưởng rất sâu sắc các Tân văn, Tân thư của các nhà cải cách Trung Hoa, nhất là Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu. Họ tận mắt chứng kiến thất thế của Nho học trước sự chèn ép của người Pháp và cũng chứng kiến những thay đổi của đất nước dưới sự cai trị của người Pháp. Những thay đổi trong nước và quốc tế đã thôi thúc họ mau hành động.

Duy tân đất nước được các nho sĩ cấp tiến cho là giải pháp chiến lược hàng đầu. Đổi mới giáo dục được chọn là bước đi tiên phong, là điều kiện tất yếu để Việt Nam có thể trở thành một quốc gia hiện đại. Việc người Pháp xâm lược là một nỗi đau lớn, nhưng cũng từ nỗi đau đó đã nảy sinh những cơ hội để đổi mới và hiện đại hoá dân tộc.

Năm 1902, *Văn minh tân học sách* (khuyết danh) ra đời. Sau này trở thành một trong những tài liệu giảng dạy quan trọng nhất của Trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Tuy là một tập sách rất mỏng nhưng nó hàm chứa những tư tưởng đổi mới giáo dục rất lớn lao. Cuốn sách này đã chỉ ra sự khác biệt cơ bản giữa nền giáo dục phương Đông và phương Tây: “*Người Âu đặt giáo dục chia làm ba bậc: tiểu học, trung học và đại học, cứ bốn năm là một kỳ (cấp). Khi vào học, lấy những môn văn tự nước nhà ngày nay, cổ văn La Mã, văn tự, tiếng nói ngoại quốc, toán học, địa dư làm những môn học đầu tiên. Khi học đã mãn khoá, làm bậc tiến lên, thì cứ theo năng khiếu của học sinh, hợp với môn nào thì dạy cho môn học ấy: chia ra luật học, thiên văn học, võ bị học, y học, cách trí học, v.v... Học thành tài rồi sau mới dùng, dùng làm có được việc rồi mới thăng chức. Nước ta có thể không? Những môn ta học và nhớ ấy chỉ là sách Tàu; những bài ta chú thích ấy chỉ là lời của cổ nhân; những thứ ta thi ấy chỉ là kinh nghĩa, thơ ngữ ngôn, biên ngẫu thứ lục! Đó là điều ta trái với người về giới giáo dục”* (6).

Với tinh thần thẳng thắn, soạn giả đã phê bình nghiêm túc những điểm yếu của Nho học và nhấn mạnh những điểm mạnh của Tây học, từ đó khẳng định muốn dân tộc tiến đến văn minh thì tất yếu phải mở mang dân trí. Có sáu con đường để khai thông dân trí là: 1 - Dùng văn tự nước nhà, 2 - Hiệu đính sách vở, 3 - Sửa đổi phép thi, 4 - Cổ vũ nhân tài, 5 - Chấn hưng công nghệ, 6 - Mở toà báo.

Muốn đổi mới thành công thì phải dám nghĩ, dám làm và phải chấp nhận dấn thân, mạo hiểm: “*Phải đem búa to đao lớn để phá lũ xa, xí đồ, cờ hồng, để lên đài mới, phải ném thân vào chỗ thế giới xoáy nước để mài xét nhiệt thành của mình, rồi đưa ra thời đại bay nhảy để cổ lệ cái nguyên động lực, làm cho người một nước nhân tư tưởng mà sinh cạnh tranh, nhân cạnh tranh mà sinh tư tưởng. Bấy giờ các môn học văn minh ngõ hầu mới có được. Công hiệu được thành, sẽ như cái đồng hồ báo thức, chỉ vặn dây cót mà cả bộ máy đều chạy. Hiệu quả thu được sẽ như ống hàn thử biểu lên xuống theo không khí mà không sai suyển mấy may. Là vì trình độ dân trí được đề cao dân thì sức bành trướng của văn minh cũng sẽ lớn lên, và nền tảng văn hiến sẽ bền vững lâu dài vậy”* (7).

Tư tưởng hướng ngoại trong đổi mới giáo dục được thể hiện rõ nét trong phong trào du học. Năm 1905, một số nhà nho cấp tiến, dẫn đầu là Phan Bội Châu, đã quyết định đến Nhật Bản. Nhật Bản sau cải cách Minh Trị đã trở thành một cường quốc ở châu Á, có thể sánh vai cùng với các cường quốc ở Âu - Mỹ. Nhật Bản trở thành điểm đến của nhiều nhà cải cách châu Á. Ý tưởng ban đầu trước khi tới Nhật Bản là cầu viện quân sự (nhờ Nhật Bản đánh Pháp). Trong thời gian sống ở Nhật Bản, Phan

Bội Châu đã nhận ra Nhật Bản lớn mạnh được như ngày nay chính là nhờ cải cách giáo dục. Vì vậy ông đã rất tự tin chuyển từ chiến lược câu viện sang chiến lược câu học. Ông trực tiếp về nước vận động, hay viết thư về nước kêu gọi những thanh niên Việt Nam yêu nước sang Nhật Bản du học.

Lần đầu tiên trong lịch sử, các nhà nho cấp tiến ba miền (Bắc, Trung và Nam) cùng cộng hưởng trong chiến lược đưa con em của mình sang Nhật Bản du học. Những trung tâm xuất dương lớn được hình thành như Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Vinh và Sài Gòn. Đã có 200 du học sinh cả nước sang Nhật Bản câu học thành tài.

Năm 1906, Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đến thăm trường *Khánh Ứng Nghĩa Thục* (Keio Gijuku) ở Nhật Bản<sup>(8)</sup>. Bị cuốn hút bởi một mô hình giáo dục mới, hai ông cho rằng Việt Nam cần có những trường như Khánh Ứng Nghĩa Thục. Vì vậy, khi về nước, hai ông quyết định thành lập ở Hà Nội Trường Đông Kinh Nghĩa Thục theo mẫu hình Trường Khánh Ứng Nghĩa Thục ở Nhật Bản.

Tháng 03-1907, Trường Đông Kinh Nghĩa Thục chính thức ra đời<sup>(9)</sup>. Đó là mẫu hình tiêu biểu và niềm kỳ vọng lớn lao của các nhà nho cấp tiến trong chiến lược cải tổ lại nền giáo dục nước nhà. Mô hình tổ chức, cách thức điều hành và nội dung chương trình giảng dạy của nhà trường thể hiện sự đổi mới cơ bản so với các trường học truyền thống:

*Về môn học:* Do chịu ảnh hưởng của trường phái giáo dục thực nghiệp nên bên cạnh những môn học cũ, các nhà nho đã mạnh dạn đưa những môn học mới vào giảng dạy như: toán, kinh tế, địa lý, khoa học, ngoại ngữ...

*Về phương pháp dạy:* Khác với mô hình dạy truyền thống kiểu thầy áp đặt kiến thức cho học trò. Học trò rất thụ động khi chỉ biết học và ghi nhớ những điều thầy dạy, thì nhà trường mới đã đổi mới phương pháp giảng dạy khi tăng cường các hoạt động giảng sách, bình văn, đọc báo, diễn thuyết và thảo luận.

*Về tài liệu:* Khác với các tập sách *Tứ thư*, *Ngũ kinh* trước kia, các nhà biên soạn sách đã hiệu chỉnh lại nội dung giảng dạy cũ, vừa bổ sung những kiến thức mới. Các cuốn sách như *Văn minh tân học sách*, *Quốc dân độc bản*, *Luân lý giáo khoa tân đính*, *Quốc dân tập đọc*, *Nam quốc vĩ nhân*, *Nam quốc giai sử* được biên soạn công phu, nội dung phong phú và mới mẻ, rất hấp dẫn người học. Các sách đề cập đến nhiều mặt đời sống xã hội như dân tộc, công dân, chính trị, văn hoá, giáo dục, tôn giáo, kinh tế và pháp luật.

*Về phương tiện dạy học:* Ngoài sách giáo khoa, còn có các dụng cụ học mới như phấn trắng, bảng đen, có thư viện...

Nhưng cái đáng bàn luận hơn cả đó là tư tưởng đổi mới trong các nội dung giảng dạy của nhà trường. Mô hình của nhà trường được phỏng theo mô hình giáo dục Âu - Mỹ. Nó hướng tới một nền giáo dục thực nghiệp: đa ngành và đa nghề. Nó khước từ nền giáo dục thuần tính khoa cử trước kia. Nó muốn tạo dựng những con người Việt Nam mới: năng động và sáng tạo. Nó hướng tới một nền giáo dục phổ thông có tính xã hội hoá cao, bởi sự đón nhận học sinh thuộc các lứa tuổi và tầng lớp xã hội khác nhau. Nó mạnh dạn phá rào để mở cửa tiếp nhận nền văn minh Âu - Mỹ.

Trường Đông Kinh Nghĩa Thục thẳng thắn nói “không” với giáo dục Nho học, kịch liệt phê phán những nhược điểm của Nho học. *Điều hủ nho, Tế sống thầy đồ hủ, Cáo lậu hủ văn* là những tài liệu chống thái độ tự ti dân tộc, để tiên đưa và chôn vùi cái cũ: “*Tai hại thay hủ thư! Đục nát bét các bố! Đau đớn thay hủ nho! Làm các bố lầm lẫn! Tâm mắt không trông ra khỏi làng đã chê cười Khang Lương! Bước chân không ra khỏi ngõ đã coi hẹp vũ trụ! Ấy thế mà lại còn đem văn rởm rất độc, mượn học quèn làm vua, tò mò chuyện yêu quái, hơi thổi thóp như khí chiều sắp tàn! Hồn lẫn quất biết tìm đâu ra*” (*Cáo lậu hủ văn*)<sup>(10)</sup>. Sự kiên quyết phản bác cụ học và hủ nho thể hiện một bước tiến dài có tính cách mạng của nhà trường.

Mặc dù khuyếch trương mạnh mẽ cho tinh thần đổi mới nền giáo dục Việt Nam, các nhà nho không vì quá say sưa để đến sự lai căng, vong bản. Tuy phê phán nhưng không cự tuyệt hoàn toàn Nho học, mà vẫn muốn lưu giữ lại những giá trị tốt đẹp của Nho học phù hợp với con người Việt Nam. Rõ ràng tư duy đổi mới trên tinh thần học hỏi cái mới tiến bộ và bảo tồn những cái cũ vẫn đẹp là một hướng đi đúng đắn, một giải pháp khôn ngoan để tránh bị đứt gãy truyền thống.

Đổi mới giáo dục phải dựa trên tinh thần dân tộc. Bản chất của việc đổi mới là để chấn hưng dân tộc, hiện đại hoá dân tộc, và làm cho dân tộc cường thịnh. Đổi mới hướng tới mục tiêu giải phóng dân tộc, là một bước chuẩn bị quan trọng cho lộ trình giải phóng dân tộc. Do đó, việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước, bồi đắp tinh thần yêu nước và ý chí tự tôn, tự cường dân tộc được đặt lên vị trí hàng đầu. Các tài liệu giảng dạy đều nêu rõ quan hệ và trách nhiệm của công dân đối với gia đình, xã hội và đất nước. Nhiệm vụ của người học là:

“Làm cho rạng rỡ ông cha,

Có lòng yêu nước mới là người Nam”<sup>(11)</sup>

Mặc dù đi theo mô hình giáo dục Âu - Mỹ nhưng các nhà nho cấp tiến đã không cộng tác với thực dân Pháp, mặc cho người Pháp đã bật đèn xanh cho tinh thần hợp tác giáo dục Pháp - Việt<sup>(12)</sup>. Trường Đông Kinh Nghĩa Thục thực tế hoạt động độc lập với người Pháp và có tính đối trọng với người Pháp. Các trí thức Nho giáo muốn xây dựng một nền giáo dục Việt Nam độc lập.

Thấy rõ các nhà nho cấp tiến thiếu tinh thần hợp tác, có tính đối kháng cao, và những hoạt động vượt xa tầm kiểm soát, thực dân Pháp quyết định ra tay loại bỏ để phòng trừ hậu họa khó lường. Năm 1907, Pháp câu kết với Nhật Bản để trục xuất các du học sinh Việt Nam về nước. Tháng 9-1907, chúng đóng cửa Trường Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội.

Hoạt động đổi mới giáo dục của các nhà nho Việt Nam bị đàn áp, nhưng tinh thần của những hoạt động đó là bất diệt. Bằng biện pháp cải cách giáo dục, các nhà nho cấp tiến đã kịp thời đào tạo một lớp tân học sinh yêu nước để đón đợi các tân vận hội của dân tộc, hướng tới một đất nước độc lập tự do.

### **3. Cuộc chiến học đường của giới trí thức trẻ**

Đến những năm 20 của thế kỷ XX đã hình thành một tầng lớp trí thức Tây học đông đảo ở Việt Nam. Nho học đã lụi tàn. Tây học đã thắng thế. Mặc dù hào hứng với nền giáo dục Tây học bởi không còn sự lựa chọn nào khác, bởi tính mới lạ và thực dụng của Tây học. Học sinh Việt Nam học trường Tây được kỳ vọng sẽ biến thành những công cụ để bảo, trung thành và tận tụy phục vụ cho lợi

ích của “mẫu quốc”. Nhưng với ý thức dân tộc mạnh mẽ, những học sinh Tây học đã đứng lên đấu tranh. Cuộc chiến trong học đường bùng nổ nhằm chống lại sự đồng hoá văn hoá và giáo dục của người Pháp.

Những trí thức Tây học thuộc những lớp đầu tiên tỏ ra khá thận trọng khi tiếp nhận nền giáo dục phương Tây. Nguyễn Văn Vĩnh khẳng định Âu hoá là con đường tất yếu để chấn hưng dân tộc, nhưng cũng thấy được: “Thuốc vẫn mình uống nhâm, công phạt tẻ hại hơn thuốc bệnh”<sup>(13)</sup>.

Phạm Quỳnh quan niệm: “Sư học hành nước Nam ta đương gặp buổi giao thời, học cũ đã mất, học mới đã chưa thành. Buổi giao thời là khó, một bước đi nhầm đi hoạ trăm năm”<sup>(14)</sup>. Vì vậy, Phạm Quỳnh đã đề xuất tư tưởng dung hoà, dung hoá và dung hợp nền giáo dục Đông - Tây: “Tất học cũ phải dần dần biến cải đi, học mới dần dần thâm nhập vào, hai cái dung hoá lẫn nhau, nhiên hậu mới thành được cái nền học chắc chắn. Dung hoá càng sâu bao nhiêu thời nền học càng bền bấy nhiêu... Học Nho thời chớ nên coi học Tây là đề tiện, những nhớ... Học Tây chớ nên coi học Nho là hư bại”<sup>(15)</sup>.

Đào Duy Anh cho rằng cái bi kịch hiện thời của dân tộc ta là sự xung đột giữa giá trị cổ truyền và những điều mới lạ của phương Tây; cần phải giải quyết vì nó liên quan đến sự sinh tử, tồn vong của dân tộc; muốn giải quyết được thì phải nhận ra chân tướng của tấn bi kịch này, tức là một mặt phải xét lại nội dung của văn hoá xa, mặt khác phải nghiên cứu chân giá trị của văn hoá mới<sup>(16)</sup>.

Nguyễn An Ninh nhấn mạnh tầm quan trọng của nền giáo dục Âu châu và kịch liệt phê phán Nho học. Nguyễn An Ninh phê phán chủ nghĩa bài ngoại và dân tộc hẹp hòi; nếu vì chủ nghĩa yêu nước mà cô lập mình trong tháp ngà, lên án văn minh của kẻ đã chiến thắng mình thì đó chỉ là sự mù quáng và tiêu diệt giống nòi. Người Việt Nam cần phải tiếp thu văn hoá châu Âu để mở mang dân trí, làm cho giống nòi tráng kiện, đó cũng là con đường để mau thoát khỏi ách nô lệ. Ông chỉ rõ sự cần thiết phải có một nền văn hoá độc lập; nếu để văn hoá ngoại bang ngự trị thì sẽ mất độc lập; giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc là điều kiện tiên quyết trong bối cảnh bị mất nước và đồng hoá văn hoá<sup>(17)</sup>.

Với những nhận thức đúng đắn, các học sinh, sinh viên dù ngồi trên ghế trường Tây, nhưng họ chỉ học hỏi những đặc tính tốt đẹp của Tây học, những điều có lợi cho dân tộc. Họ kịch liệt chống đồng hoá văn hoá. Họ nỗ lực vươn lên xây dựng một nền văn hoá Việt Nam mới trên cơ sở kết hợp hài hoà tinh hoa văn hoá phương Tây và các giá trị văn hoá Việt Nam truyền thống (quốc hồn, quốc túy).

Những cuộc nổi dậy trong các trường học trong những năm 1925 - 1926 và hàng loạt các phong trào yêu nước sau đó là sự đáp trả chính sách Pháp hoá học đường của thực dân Pháp và là biểu hiện sinh động cho tinh thần độc lập dân tộc. Học sinh, sinh viên trở thành ngòi nổ cho các phong trào yêu nước.

Những năm 1925 - 1926, cuộc chiến học đường nổ ra trên phạm vi cả nước, được đánh dấu bởi các sự kiện: cuộc đấu tranh đòi chính quyền thuộc địa phải thả Phan Bội Châu, lễ truy điệu và để tang Phan Châu Trinh, phong trào đấu tranh đòi thả Nguyễn An Ninh... Các cuộc đấu tranh dồn dập đó phát triển thành một cao trào, mà hạt nhân là đòi các quyền tự do dân chủ. Cuộc chiến trong học đường đó làm trở dậy mạnh mẽ chủ nghĩa dân tộc và tinh thần phản kháng trong tâm hồn của những người trẻ tuổi. Sự đàn áp của thực dân Pháp sau những sự kiện trên làm họ vỡ mộng dân chủ. Những bài học về nhân quyền, tự do và dân chủ ở các lớp học thực chất chỉ

là bánh vẽ. Nguyễn An Ninh khẳng định không thể có sự hợp tác bình đẳng giữa một bên là kẻ kéo cày chịu roi vọt và một bên là ông chủ. Cách tốt nhất là phải đấu tranh để tống cổ bọn thực dân về nước. Nhiều học sinh đã bỏ dở công việc học tập, rời xa mái ấm gia đình để tìm kiếm con đường giải phóng dân tộc.

Cuộc chiến học đường trong những năm 1925-1926 nằm ngoài mục tiêu giáo dục của nhà trường thực dân. Trong rất nhiều nguyên nhân dẫn đến các sự cố học đường như ẩu đả, gian lận thi cử... thì lý do chính trị chiếm vị trí cao nhất với tỷ lệ 33%<sup>(18)</sup>. Nhiều trường học đã trở thành các *lò nổi loạn* bất trị. Thực dân Pháp đứng trước tình trạng mất kiểm soát học đường bởi các cuộc đấu tranh của học sinh có thể bùng nổ bất cứ lúc nào. Các cuộc đấu tranh của học sinh sinh viên biểu lộ rõ sự mất niềm tin của họ đối với nền giáo dục thực dân và tinh thần yêu nước của thế hệ trẻ. Pháp buộc phải tiến hành đàn áp học đường như cảnh cáo, đuổi học và bỏ tù những học sinh, sinh viên yêu nước, phản ánh sự thất bại trong chiến lược Pháp hoá học đường của chủ nghĩa thực dân.

Thực dân Pháp rất cay đắng trước thái độ chống đối của số đông học sinh Việt Nam với nền giáo dục “mẫu quốc”. Học sinh Việt Nam không thể vì nền học thuật Pháp mà quay lưng lại với dân tộc mình. Cái họ cần nhất từ nền học thuật đó là những tri thức để giải phóng dân tộc. Ngọn lửa đấu tranh vì độc lập dân tộc toả sáng trong tâm hồn họ. Biện pháp đàn áp học đường chỉ làm gia tăng sự phản kháng và dôn họ vào thế đối nghịch với chính quyền. Họ trở nên bất trị hơn sau khi bị gạt ra khỏi ghế nhà trường. Nhưng trước khi rời trường, nền giáo dục mới đã gợi mở cho họ những cách thức giải phóng dân tộc. Một thầy giáo *"nhớ lại anh học sinh xuất sắc trước kia là Võ Nguyên Giáp, vào trường trung học sau một sự việc đã mang tính cách mạng; anh này hằng say tra cứu bồi dưỡng những kiến thức lịch sử; giờ đây, tôi như thấy mình đang trình bày chi tiết trên bảng chiến thuật điều quân trong trận Austelitz, trong khi ấy giống như bạn học của mình, anh ta chăm chú ghi chép"*<sup>(19)</sup>. Cậu học trò chăm học quân sự năm xưa đã cầm quân trong trận Điện Biên Phủ chấn động địa cầu. Thế hệ Võ Nguyên Giáp đã làm sụp đổ nền giáo dục thực dân và chế độ thực dân. Họ bị thực dân Pháp coi là những phân tử phản loạn trong trường học. Nhưng họ lại là những người con ưu tú của dân tộc Việt Nam.

Vấn đề cải cách giáo dục thời kỳ thuộc địa đã diễn ra không hề suôn sẻ với người Pháp và người Việt Nam. Cả hai bên khi ngầm ngầm, khi công khai trong chủ trương cải cách giáo dục. Chính sách giáo dục của người Pháp luôn chứa đựng những mâu thuẫn, ngờ vực và nghi ngại. Mâu thuẫn giữa nên hay không nên phát triển nền giáo dục Tây học ở Việt Nam. Ngờ vực tính thành công của nền giáo dục Tây học Việt Nam. Nghi ngại bởi sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc trong học đường của người Việt Nam. Những điều đó làm cho người Pháp rất lúng túng trong khi tiến hành các cải cách giáo dục. Những cải cách đó cuối cùng cũng đưa đến sự triệt tiêu nền giáo dục Nho học và sự thắng thế của nền giáo dục Tây học. Đó là một thành công to lớn của người Pháp. Nhưng thành công đó lại ẩn chứa trong nó một thất bại to lớn. Dù nỗ lực Pháp hoá tối đa học đường nhưng không đồng hoá nổi những học sinh, sinh viên Việt Nam, trái lại càng làm cho ý thức dân tộc và tinh thần chống Pháp của họ thêm nảy nở.

Để mất độc lập dân tộc là một thất bại cay đắng của người Việt Nam. Thất bại đó khiến họ phải nhìn nhận lại chính mình và dân tộc mình. Sự dốt nát, lạc

hậu, bảo thủ và khép kín chính là những nguyên nhân mất nước. Người Việt Nam cần có một sự đổi mới. Tinh thần đổi mới được khởi xướng từ những nhà cải cách, mà trọng tâm là cải cách giáo dục. Nó được coi như một biện pháp cứu cánh hàng đầu. Không phải sự cưỡng bức của người Pháp dẫn đến sự sụp đổ của Nho học, chính người Việt Nam đã góp phần thúc đẩy sự sụp đổ đó. Việc thiết lập nền Tây học ở Việt Nam không hoàn toàn do sự áp đặt của người Pháp, mà về mặt nào đó còn là sự tự nguyện của người Việt Nam. Tinh thần dân tộc là động lực thúc đẩy người Việt Nam phải tự làm mới mình(\*\*\*)).

### Chú thích

\*\*\* Bài đã đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 11+12/2008.

- 1,2. Phan Trọng Báu: *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, tr. 37, 72.
3. *Tìm hiểu nền giáo dục Việt Nam trước năm 1945*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1985.
4. Chữ Quốc ngữ được dạy nhiều nhất, tiếp đến là chữ Hán. Chữ Hán được dạy mỗi tuần 10 giờ. Học sinh phải học *Tứ thư, Chính biên toát yếu, Luật lệ toát yếu*. Thời gian học chữ Pháp ít hơn, học sinh tập trung vào các môn như tập đọc, tập làm văn và tập đối thoại.
5. Chữ Quốc ngữ được dạy 16 giờ/tuần. Chữ Pháp 12 giờ/tuần. Chữ Hán 7 giờ/ tuần.
- 6,7,10. Dẫn theo Chương Thuần: *Đông Kinh Nghĩa Thục và phong trào cải cách văn hoá đầu thế kỷ XX*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1997, tr. 119, 134, 51.
8. Trường ra đời từ thời cải cách Minh Trị và do Phúc Trạch Dự Cát (Fukuzawa Yukichi), một nhà cải cách theo trường phái thực học ở Nhật Bản, thành lập. Trường được xây dựng theo mô hình nền giáo dục Âu - Mỹ và được coi là bản sao của trường Đại học Harvard ở Mỹ. Mục tiêu của trường là phát triển một nền giáo dục cộng đồng, phát huy tinh thần tự cường và công thiện của người Nhật Bản, và tạo bệ đỡ cho hệ tư tưởng tư sản đang ngày một lớn mạnh ở Nhật Bản.
9. Trụ sở của trường được đặt tại ngôi nhà số 4, phố Hàng Đào, Hà Nội. Lương Văn Can được bầu làm Thục trưởng, Nguyễn Quyền được bầu làm Giám học.
11. Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục. *Bài hát yêu nước*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1997, tr. 112.
12. Năm 1906, Nguyễn Văn Vĩnh, một trí thức Tây học Việt Nam, được người Pháp giao nhiệm vụ hướng dẫn người Việt Nam soạn thảo điều lệ cho những người Việt Nam xin lập các hội văn hoá và trường học. Nhờ có chính sách này mà Trường Đông Kinh Nghĩa thực mới có thể ra đời.
13. Nguyễn Văn Vĩnh: *Xét tạt mình, Đông Dương* Tạp chí, số 6, tháng 6 năm 1913, tr. 14.
14. Phạm Quỳnh: *Học cũ, học mới, Đông Dương* Tạp chí, số 5, tháng 6 năm 1913, tr. 25.
15. Phạm Quỳnh: *Tân học cổ bình luận, Đông Dương* Tạp chí, số 8, ngày 3-7- 1913, tr. 8- 10.
16. Đào Duy Anh: *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 7.
17. Nguyễn An Tịnh: *Nguyễn An Ninh* (tuyển chọn các tác phẩm), Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1996, tr. 69- 81.
18. Trịnh Văn Thảo: *Nhà trường Pháp ở Đông Dương*, Nxb. Karthala, Paris, 1995, tr. 28. Bản dịch của Nguyễn Trí Chí, Nguyễn Văn Khánh và Nguyễn Thừa Hỷ.
19. Trịnh Văn Thảo: *Nhà trường Pháp ở Đông Dương*, sđd, tr. 28.